| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>**TỈNH ĐIỆN BIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 86/2023/HS-ST<br>Ngày: 28-9-2023 | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Sao

**C*ác Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Khoàng Văn Sơn

2. Ông Hà Công Nghiệp

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vi Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà*:** Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/HSST-QĐ, ngày 26 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Giàng Thị D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979 tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Bản Đ, xã K, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng A P, sinh năm 1948 và bà Sùng Thị D, sinh năm 1948; Bị cáo có chồng là Thào A Ph (đã chết) và 05 người con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/7/2023, đến ngày 25/8/2023 bị bắt tạm giam, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã K, huyện Nậm Pồ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Sùng A L, chức vụ: Chủ tịch UBND xã K; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sùng Văn S, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã K, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Chảo A G, sinh năm

1990 - Kiểm lâm viên địa bàn xã K, Hạt Kiểm lâm huyện N, vắng mặt.

- *Người phiên dịch cho bị cáo Giàng Thị D:* Bà Vàng Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: Bản Đ, xã K, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu về đất canh tác nên vào đầu tháng 03/2023 (bị cáo không nhớ rõ ngày), Giàng Thị D mang theo 01 con dao quắm đi bộ lên khu vực rừng (trước đây bị cáo đã làm nương và bỏ hoang từ năm 2019) ở bản Đ, xã K, huyện N, tỉnh Điện Biên để chặt phá làm nương. Giàng Thị D không xin phép cơ quan có thẩm quyền, tự ý sử dụng dao quắm chặt phá toàn bộ độ che phủ của nhiều loại cây khác nhau, tại khu vực rừng tự nhiên thuộc bản Đ, xã K, huyện N, tỉnh Điện Biên liên tục trong 04 ngày. Sau đó, D dừng lại chờ cây khô sẽ đốt để lấy đất gieo trồng lúa. Đến ngày 28/3/2023, trong quá trình tuần tra tại khu vực rừng thuộc bản Đ, xã K, huyện N, tỉnh Điện Biên, tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã K và Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã đã phát hiện đám rừng bị D chặt phá có diện tích lớn, nên đã báo cáo Hạt kiểm lâm huyện N và ra Quyết định số 02/QĐ-UBND, ngày 28/3/2023 về việc đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật của Giàng Thị D. Ngày 29/3/2023, Hạt kiểm lâm huyện N phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 29/3/2023 (có bản ảnh và thống kê kèm theo) đã xác định: Tổng diện tích rừng bị Giàng Thị D chặt phá là 5.918,28 $m^2$ (năm nghìn chín trăm mười tám phẩy hai mươi tám mét vuông), mức độ thiệt hại 100%. Các cây gỗ bị chặt phá có đường kính, kích thước chiều dài khác nhau từ nhóm V đến nhóm VIII, như Ba soi, Thừng mực, Kháo… có chiều cao vút ngọn trung bình là 9,45 m, đường kính trung bình là 12,57 cm. Tổng khối lượng gỗ tròn bị chặt phá là 4,364 $m^3$, khối lượng củi tận thu là 5,315 ster.

Tại kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS, ngày 20/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, xác định tổng giá trị thiệt hại về lâm sản do Giàng Thị D gây ra là 9.525.250 (chín triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi) đồng; không xác định được giá quyền sử dụng rừng.

Tại Kết luận Giám định số 17/KL-GĐ, ngày 23/6/2023 của Giám định viên tư pháp thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên, đã xác định: Vị trí diện tích 5.918,28 $m^2$ có cây gỗ tự nhiên bị chặt phá thuộc tiểu khu 471A, khoảnh 6, lô 11, và lô 22 được quy hoạch là rừng sản xuất, trạng thái Rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), thuộc bản Đ, xã K, huyện N, tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án, Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Diện tích rừng này hiện do Ủy ban nhân dân xã K quản lý theo khoản 3 Điều 102 Luật Lâm nghiệp.

Tại bản Cáo trạng số 45/CT-VKSNP ngày 02/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Giàng Thị D về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo. Quá trình điều tra, bị cáo Giàng Thị D đã giao nộp vật chứng là 01 con dao quắm dài 105 cm, cán dao bằng gỗ dài 66,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 38,5cm là công cụ phạm tội.

Trong quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự trình bày: Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo là rõ ràng, gây thiệt hại cho Nhà nước nên yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra Chảo A G trình bày: Ông G là Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã K, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông G đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, tuy nhiên do người dân thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên đã có hành vi hủy hoại rừng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Giàng Thị D về tội Hủy hoại rừng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Giàng Thị D từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 105 cm. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước, bị cáo đã bồi thường 4.000.000 đồng, còn phải bồi thường 5.525.250 đồng. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị D nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo; áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Giàng Thị D nhất trí với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận gì, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Xét thấy tình trạng chặt phá rừng trái pháp luật trên địa bàn huyện N trong thời gian qua có chiều hướng tăng, nếu không áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo sẽ không bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa chung trong Nhân dân. Mặc khác, bị cáo mới chỉ bồi thường được một phần thiệt hại cho Nhà nước nên Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Giàng Thị D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào đầu tháng 03 năm 2023 (bị cáo không nhớ rõ ngày), bị cáo Giàng Thị D một mình sử dụng 01 con dao quắm phát trắng toàn bộ diện tích là 5.918,28 $m^2$ (năm nghìn chín trăm mười tám phẩy hai mươi tám mét vuông), rừng tự nhiên trong 04 ngày liên tục. Vị trí rừng bị chặt phá là tiểu khu 471A, khoảnh 6, lô 11 và lô 22 được quy hoạch là rừng sản xuất, trạng thái Rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), thuộc bản Đ, xã K, huyện N, tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án, Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, do Ủy ban nhân dân xã K quản lý và bảo vệ. Mục đích bị cáo chặt phá rừng là để lấy đất làm nương, gây thiệt hại về lâm sản là 9.525.250 (chín triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi) đồng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, Kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Giàng Thị D phạm tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...*

*b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông ($m^2$) đến dưới 10.000 mét vuông ($m^2$);"*

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến môi trường rừng, là nguyên nhân dẫn đến thiên tai và biến đổi khí hậu, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, để giữ vững kỷ cương của pháp luật và làm gương răn đe, giáo dục trong Nhân dân.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Giàng Thị D là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, vì muốn có đất để canh tác nên đã chặt phá rừng. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội một phần là do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, một phần là do xuất phát từ tập quán canh tác lạc hậu của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, ngoài lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Mặc dù hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, chồng bị cáo đã chết, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, nhưng bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hai về rừng là 4.000.000 đồng cho Nhà nước. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo có nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, gia đình không có tài sản giá trị nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Xét đề nghị của người bào chữa: Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, tình hình chặt phá rừng trái phép trên địa bàn huyện N ngày càng diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Những người vi phạm thường viện cớ vào nương cũ để chặt phá rừng và có xu hướng bắt chước nhau, dẫn đến nhiều người trong một bản cùng chặt phá rừng. Bị cáo nhận thức rõ hành vi chặt phá rừng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, nếu cho bị cáo được hưởng án treo sẽ không đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa trong Nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo được hưởng treo. Đối với đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm của người bào chữa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 105 cm, cán dao làm bằng gỗ dài 66,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 38,5 cm của bị cáo Giàng Thị D, là công cụ phạm tội.

Đối với các cây gỗ bị chặt phá, Hạt Kiểm lâm huyện N đã giao Ủy ban nhân dân xã K, huyện N quản lý, do địa hình rừng núi khó khăn không vận chuyển được, các cây gỗ đã mục nát, không còn giá trị sử dụng nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước số tiền 9.525.250 đồng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường được 4.000.000 đồng, còn phải bồi thường 5.525.250 đồng.

[9] Đối với nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, tại giai đoạn điều tra đều đã có lời khai, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa và bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xét thấy bị cáo là dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã K, huyện N là xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[14] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

**1.** Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giàng Thị D phạm tội Hủy hoại rừng.

**2**. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Giàng Thị D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị bắt tạm giam 25/8/2023.

**3.** Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Giàng Thị D phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 9.525.250 (chín triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi) đồng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường được 4.000.000 (bốn triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0002859, ngày 27/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, bị cáo còn phải bồi thường số tiền là 5.525.250 (năm triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi) đồng.

**4**. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm đã qua sử dụng, có tổng chiều dài 105 cm, trong đó lưỡi dao bằng kim loại dài 38,5 cm; cán dao bằng gỗ dài 66,5 cm, đường kính 03 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 39 cm, chiều rộng nhỏ nhất 3,5 cm, chiều rộng lớn nhất 6,5 cm.

*(Vật chứng được niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/8/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).*

**5.** Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng Thị D.

**6**. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 28/9/2023; trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Người bảo chữa;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Bộ phận HSNV CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã K;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Sao**